

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 385/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân khai Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019
Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương

.. CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 1037
	Ngày: 21.5.19
	Chuyển:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/5/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 148/HĐND-KTNS ngày 10/5/2019 về việc hỗ trợ vốn các dự án thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư và tham gia dự án PPP; trả nợ quyết toán;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 728/SKHĐT-TH ngày 27/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Phân khai 65,5 tỷ đồng vốn ngân sách tỉnh để hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách các huyện Sơn Tịnh, Ba Tơ, Trà Bồng, Mộ Đức, Nghĩa Hành và thành phố Quảng Ngãi; bố trí cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi từ nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2019 thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư và tham gia dự án PPP, chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm.

2. Phân khai 20 tỷ đồng vốn trả nợ quyết toán năm 2019 cho các dự án hoàn thành, được phê duyệt quyết toán, chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố Quảng Ngãi tại Điều 1 Quyết định này.

2. Căn cứ kế hoạch vốn đã giao tại Điều 1 Quyết định này, UBND các huyện: Sơn Tịnh, Ba Tơ, Trà Bồng, Mộ Đức, Nghĩa Hành và thành phố Quảng Ngãi; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi có trách nhiệm tổ chức triển khai nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đúng theo quy định của Nhà nước.

3. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Kho bạc Nhà nước các huyện: Sơn Tịnh, Ba Tơ, Trà Bồng, Mộ Đức, Nghĩa Hành kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; các Chủ đầu tư có tên tại Điều 1; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh uỷ (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh,
- VP UB: PCVP, P.CNXD, CBTH;
- Lưu VT, P.Thhtlvan150.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng

Phụ lục 1

DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019



Thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư và tham gia dự án PPP

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

(Kèm theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian dự kiến KC-HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2019 ⁽¹⁾	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			
							Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, thành phố		
Tổng cộng						133.995	130.996	2.999	65.500	
1	Cầu qua kênh trên tuyến đường ĐH 17 tại Km1+400 vào cụm Công nghiệp Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh	UBND huyện Sơn Tịnh	Sơn Tịnh	24m	2019-2021	30.000	30.000		14.000	
2	Hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Ba Động, huyện Ba Tơ	UBND huyện Ba Tơ	Ba Tơ	Tuyến đường dài 1,123km; hệ thống xử lý nước thải	2019-2021	25.000	25.000		7.000	
3	Xây dựng cụm công hạ tầng Cụm công nghiệp thị trấn Trà Xuân	UBND huyện Trà Bồng	Trà Bồng	hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm thu hút đầu tư	2019	7.000	7.000		5.000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian dự kiến KC-HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2019 ⁽¹⁾	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			
							Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, thành phố		
4	Xây dựng cụm công hạ tầng Cụm công nghiệp Quán Lát, huyện Mộ Đức	UBND huyện Mộ Đức	Mộ Đức	hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm thu hút đầu tư	2019-2020	14.995	11.996	2.999	8.000	
5	Tuyến đường nội vùng phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Đức Phong	UBND huyện Mộ Đức	Mộ Đức	3,2km	2019-2020	19.000	19.000		11.000	
6	Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm Công nghiệp Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi	UBND TP Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	500m ³ /ngày đêm	2019-2021	20.000	20.000		10.000	
7	Đường vào cụm Công nghiệp Đồng Dinh, huyện Nghĩa Hành	UBND huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành	1km	2019	18.000	18.000		10.000	
8	Đường vào công viên Nghĩa Trang Sơn Viên Lạc Cảnh	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Sơn Tịnh	1,3 km	2019-2020				500	giao chuẩn bị đầu tư, Chủ đầu tư cần rà soát quy mô phù hợp, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa khoảng 15 tỷ đồng, còn lại đề nghị Nhà đầu tư thực hiện

Ghi chú: (1) Phân khai từ 73 tỷ đồng để thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư và tham gia dự án án PPP tại Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh.



Phụ lục 2
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh

Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Đầu mối giao kế hoạch	gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Quyết toán					Lũy kế vốn đã bố trí (phần ngân sách tỉnh)	Kế hoạch vốn 2019 trả nợ quyết toán (*)	Ghi chú
						Số Quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó					
								Vốn Trung ương (Chương trình 135)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			
	Tổng số				559.376,525		512.037,487	3.600,000	505.143,861	3.293,626	481.611,472	20.000,000	
I	Bố trí trả nợ các dự án giáo dục và đào tạo				14.741,971		13.214,534	3.600,000	6.320,908	3.293,626	0,000	5.010,836	Trả phần NS tỉnh
1	Trường Mầm non Ba Thành, Hạng mục: Điểm trường tổ Gò Ôn; điểm trường tổ Choi Liềm	H. Ba Tư	UBND huyện Ba Tư	2015-2016	1.158,205	1587/QĐ-UBND ngày 30/11/2016; 285/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 của UBND huyện	1.082,316	400,000	462,316	220,000	0,000	462,316	
2	Trường Mầm non Ba Lễ Hạng mục: Điểm trường thôn Bãi Lễ; điểm trường thôn Làng Tốt	H. Ba Tư	UBND huyện Ba Tư	2015-2016	1.789,975	1583/QĐ-UBND ngày 30/11/2016; 264/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND huyện	1.559,039	500,000	975,000	84,039	0,000	709,039	
3	Trường Mầm non Ba Nam Hạng mục: Điểm trường thôn Làng Vờ	H. Ba Tư	UBND huyện Ba Tư	2015-2016	597,317	1584/QĐ-UBND ngày 30/11/2016; 263/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND huyện	508,705	200,000	308,705	0,000	0,000	158,710	
4	Trường Mầm non Ba Trang Điểm trường tổ Bùi Hui, tổ Làng leo, tổ Cây Muối, tổ Gò Đen và tổ Con Riêng	H. Ba Tư	UBND huyện Ba Tư	2015-2016	2.652,075	19/QĐ-UBND ngày 12/01/2017; 262/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND huyện	2.384,970	500,000	769,251	1.115,719	0,000	769,251	
5	Trường Mầm non Ba Tiêu Hạng mục: Điểm trường thôn Krây; điểm trường thôn Nước Tia	H. Ba Tư	UBND huyện Ba Tư	2015-2016	1.165,530	1586/QĐ-UBND ngày 30/11/2016; 261/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND huyện	1.016,461	300,000	492,481	223,980	0,000	392,481	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Quyết toán				Lũy kế vô đã bố trí (phần ngân sách tỉnh)	Kế hoạch vốn 2019 trả nợ quyết toán (*)	Ghi chú	
						Số Quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó					
								Vốn Trung ương (Chương trình 135)	Ngân sách tỉnh				Ngân sách huyện
6	Trường Mầm non Ba Ngạc Hạng mục: Điểm trường thôn Ba Lãng; điểm trường thôn Nước Lầy	H. Ba Tơ	UBND huyện Ba Tơ	2015-2016	1.177,650	1585/QĐ-UBND ngày 30/11/2016; 260/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND huyện Ba Tơ	1.037,954	400,000	637,954	0,000	0,000	387,950	
7	Trường Mầm non Ba Khâm Hạng mục: Điểm trường thôn Vẩy Óc, thôn Nước Giáp, thôn Đồng Râm	H. Ba Tơ	UBND huyện Ba Tơ	2015-2016	1.567,871	18/QĐ-UBND ngày 12/01/2017; 259/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND huyện	1.418,751	400,000	568,751	450,000	0,000	568,751	
8	Trường Mầm non Ba Bích Hạng mục: Điểm trường thôn Con Rã; điểm trường thôn Làng Mắm	H. Ba Tơ	UBND huyện Ba Tơ	2014-2015	1.184,093	1590/QĐ-UBND ngày 30/11/2016; 258/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND huyện	1.041,534	400,000	641,534	0,000	0,000	391,534	
9	Trường Mầm non Ba Giang Hạng mục: Điểm trường tổ Gò Khôn; điểm trường tổ Ba Nhà; điểm trường điểm trung tâm	H. Ba Tơ	UBND huyện Ba Tơ	2015-2016	1.718,782	1591/QĐ-UBND ngày 30/11/2016; 257/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND huyện	1.530,888	500,000	975,000	55,888	0,000	680,888	
10	Trường Mầm non Ba Vi Hạng mục: Điểm trường thôn Nước Xuyên	H. Ba Tơ	UBND huyện Ba Tơ	2016	567,787	1563/QĐ-UBND ngày 15/6/2017; 256/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND huyện	509,392	0,000	92,392	417,000	0,000	92,392	
11	Trường Mầm non Ba Vi Hạng mục: Điểm trường thôn Mang Đen, điểm trường thôn Núi Ui	H. Ba Tơ	UBND huyện Ba Tơ	2016-2017	1.162,686	1567/QĐ-UBND ngày 20/11/2017; 266/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND huyện	1.124,524	0,000	397,524	727,000	0,000	397,524	
II	Trả nợ quyết toán dự án hoàn thành đã có quyết định phê duyệt quyết toán				544.634,554		498.822,953		498.822,953		481.611,472	14.989,164	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Quyết toán					Lấy kế vó đã bố trí (phần ngân sách tỉnh)	Kế hoạch vốn 2019 trả nợ quyết toán (*)	Ghi chú
						Số Quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó					
								Vốn Trung ương (Chương trình 135)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			
12	Điểm dân cư tập trung thôn Bàng, xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng	H. Trà Bồng	UBND huyện Trà Bồng	2014-2017	10.200,000	1920/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh	8.132,120		8.132,120		8.100,000	32,120	Trả phần NS tỉnh
13	Trạm Y tế xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh	H. Sơn Tịnh	Sở Y tế	2014-2016	4.461,000	02/QĐ-STC ngày 03/01/2019 của Sở Tài chính	3.580,439		3.580,439		3.020,000	560,439	
14	Trạm Y tế xã Nghĩa Thọ, huyện Tư Nghĩa	H. Tư Nghĩa	Sở Y tế	2014-2018	4.195,293	03/QĐ-STC ngày 03/01/2019 của Sở Tài chính	3.555,266		3.555,266		3.025,219	530,047	
15	Trạm Y tế xã Phò Thạnh, huyện Đức Phổ	H. Đức Phổ	Sở Y tế	2014-2015	4.391,000	14/QĐ-STC ngày 24/01/2018 của Sở Tài chính	3.763,857		3.763,857		3.720,000	43,857	
16	Trạm y tế xã Phò Quang, huyện Đức Phổ	H. Đức Phổ	Sở Y tế	2014-2015	3.889,000	15/QĐ-STC ngày 24/01/2018 của Sở Tài chính	3.090,627		3.090,627		3.040,000	50,627	
17	Trạm Y tế xã Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa	H. Tư Nghĩa	Sở Y tế	2014-2015	4.153,000	12/QĐ-STC ngày 24/01/2018 của Sở Tài chính	3.498,231		3.498,231		3.355,246	142,985	
18	Trạm Y tế xã Nghĩa Đông, thành phố Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	Sở Y tế	2014-2015	4.735,581	13/QĐ-STC ngày 24/01/2018 của Sở Tài chính	3.840,935		3.840,935		3.730,000	110,935	
19	Trạm Y tế xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức	H. Mộ Đức	Sở Y tế	2014-2015	4.724,000	11/QĐ-STC ngày 24/01/2018 của Sở Tài chính	4.049,533		4.049,533		3.970,000	79,533	
20	Trạm Y tế phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	Sở Y tế	2015-2016	4.003,447	27/QĐ-STC ngày 26/02/2018 của Sở Tài chính	3.139,195		3.139,195		3.097,416	41,779	
21	Đường số 3 - Khu công nghiệp Tịnh Phong	H. Sơn Tịnh	Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và KD dịch vụ Quảng Ngãi	2015-2017	36.540,470	350/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của UBND tỉnh	33.062,152		33.062,152		31.659,877	783,883	Đã trả 619,392 triệu tại QĐ số 743/QĐ-UBND ngày 14/5/2018
22	Đường Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ ngã 5 Thu Lộ đến Nguyễn Trãi)	TP. Quảng Ngãi	UBND TP Quảng Ngãi	2012-2017	34.021,603	349/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của UBND tỉnh	25.986,267		25.986,267		25.690,967	295,300	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Quyết toán				Lũy kế vô đã bố trí (phần ngân sách tỉnh)	Kế hoạch vốn 2019 trả nợ quyết toán (*)	Ghi chú	
						Số Quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó					
								Vốn Trung ương (Chương trình 135)	Ngân sách tỉnh				Ngân sách huyện
23	Trạm Y tế xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	H. Nghĩa Hành	Sở Y tế	2014-2016	4.419,000	33/QĐ-STC ngày 15/3/2018 của Sở Tài chính	3.462,061		3.462,061		3.340,000	122,061	
24	Trường THPT Nguyễn Công Trứ, hạng mục: Nhà luyên tập đa năng	H. Mộ Đức	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	2010-2017	6.320,264	37/QĐ-STC ngày 05/4/2018 của Sở Tài chính	6.194,904		6.194,904		5.945,000	249,904	
25	Trụ sở làm việc phòng Cảnh sát PCCC số 01; Hạng mục: san nền, kê chắn, sân bê tông, mương thoát nước, tường rào	TP. Quảng Ngãi	Công an tỉnh	2016-2017	2.825,037	39/QĐ-STC ngày 11/4/2018 của Sở Tài chính	2.614,875		2.614,875		2.500,000	114,875	
26	Trạm Y tế xã phường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	Sở Y tế	2015-2016	4.402,619	46/QĐ-STC ngày 18/4/2018	3.436,373		3.436,373		3.338,339	98,034	
27	Trạm Y tế xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn	H. Bình Sơn	Sở Y tế	2014-2015	2.983,000	47/QĐ-STC ngày 18/4/2018 của Sở Tài chính	2.379,199		2.379,199		2.089,333	289,866	
28	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2004-2015	31.872,576	638/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh	31.386,504		31.386,504		31.272,252	114,252	
29	Trạm Y tế xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	H. Tư Nghĩa	Sở Y tế	2016-2017	5.256,936	57/QĐ-STC ngày 8/5/2018 của Sở Tài chính	4.435,566		4.435,566		3.540,000	895,566	
30	Trạm Y tế xã Bình Hải, huyện Bình Sơn	H. Bình Sơn	Sở Y tế	2015-2018	3.825,652	66/QĐ-STC ngày 21/5/2018 của Sở Tài chính	2.784,206		2.784,206		2.736,308	47,898	
31	Đầu tư trang thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình cho phòng viên	TP. Quảng Ngãi	Đài PTTH Quảng Ngãi	2017	9.000,000	813/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh	7.938,283		7.938,283		7.000,000	938,283	
32	Sửa chữa, nâng cấp Hồ Chứa nước Đa Bàn	H. Mộ Đức	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Quảng Ngãi	2014-2017	33.161,000	1084/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của UBND tỉnh	27.097,532		27.097,532		25.914,114	483,418	Đã trả 700 triệu đồng tại QĐ số 1700/QĐ-UBND ngày 11/10/2018

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (phần ngân sách tỉnh)	Kế hoạch vốn 2019 trả nợ quyết toán (*)	Ghi chú		
						Số Quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó					
								Vốn Trung ương (Chương trình 135)				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
33	Cầu Biều, tuyến ĐT.628 (Quốc lộ 1 - Sơn Kỳ)	H. Minh Long	BQL dự án đầu tư xây dựng các dự án giao thông tỉnh	2017-2018	14.997,000	1097/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của UBND tỉnh	13.607,050		13.607,050		11.821,000	1.228,186	Đã trả 557,864 triệu đồng tại QĐ số 1700/QĐ-UBND ngày 11/10/2018
34	Trạm Y tế xã Phò Khánh, huyện Đức Phổ	H. Đức Phổ	Sở Y tế	2015-2016	4.472,870	121/QĐ-STC ngày 10/8/2018 của Sở Tài chính	3.425,844		3.425,844		3.288,451	137,393	
35	Trạm Y tế xã Hành Trung, huyện Đức Phổ	H. Nghĩa Hành	Sở Y tế	2016-2017	5.352,051	144/QĐ-STC ngày 24/8/2018 của Sở Tài chính	4.128,822		4.128,822		3.983,127	145,695	
36	Đường Nguyễn Trãi (giai đoạn 2), thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến đường Hoàng Văn Thu)	TP. Quảng Ngãi	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông	2014-2017	132.670,739	1740/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND tỉnh	128.670,739		128.670,739		126.478,482	2.192,257	
37	Kinh phí bồi thường, di dời Nhà máy chế tạo và tổ hợp thiết bị Dung Quất của Tổng công ty lắp máy Việt Nam	H. Bình Sơn	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	2010-2011	30.469,060	1735/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh	30.469,060		30.469,060		29.999,997	469,063	
38	Trụ sở làm việc phòng Cảnh sát PCCC số 03; Hạng mục: san nền, kê chắn, tường rào công ngõ, mương nước	H. Đức Phổ	Công an tỉnh	2017-2018	7.504,375	25/QĐ-STC ngày 24/01/2019 của Sở Tài chính	6.984,888		6.984,888		6.500,000	484,888	
39	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	Sở Nội vụ	2012-2018	89.694,083	140/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND tỉnh	85.593,768		85.593,768		83.282,461	2.311,307	
40	Bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích khảo cổ Sa Huỳnh	H. Đức Phổ	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2015-2017	31.665,000	210/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh	30.262,949		30.262,949		29.501,083	761,866	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Quyết toán			Lũy kế vô đã bố trí (phần ngân sách tỉnh)	Kế hoạch vốn 2019 trả nợ quyết toán (*)	Ghi chú		
						Số Quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó					
								Vốn Trung ương (Chương trình 135)				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
41	Trường THCS THPT Phạm Kiệt - Nhà lớp học 6 phòng	H. Sơn Hà	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2017-2018	3.006,349	40/QĐ-STC ngày 18/02/2019 của Sở Tài chính	2.855,312		2.855,312		2.200,000	655,312	
42	Gian thờ tại Khu chumg tích Sơn Mỹ	TP. Quảng Ngãi	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2017-2018	5.422,549	12/QĐ-STC ngày 07/01/2019 của Sở Tài chính	5.396,396		5.396,396		4.472,800	577,535	

* Phân khai 20 tỷ đồng xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản (bao gồm bố trí trả nợ CTMTQG Giáo dục đào tạo) và bố trí trả nợ quyết toán tại Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh.